

## CON CHIM TRÓN TUYẾT

Cánh đồng lầy rộng mênh mông chạy dọc theo bờ duyên hải Essex, giữa thôn Chelmbury và Wiekaldroth, một bến chài của dân Saxon ngày xưa. Đây là miền hoang địa cuối cùng còn sót lại tại nước Anh, một miền sinh lầy, hẻo lánh đầy cỏ lác và lau sậy với những bãi cỏ ngập nước trải dài tới bên bờ những ruộng muối lớn. Những bãi bùn non và những vũng nước thủy triều sát bên đại dương đầy sóng gió.

Những đường mương rạch do nước thủy triều xẻ vào nội địa và những nhánh sông nhỏ lượn uốn quanh co trước khi tuôn ra biển cả, qua miền lầy lội, mặt đất bập bênh lên xuống như hô hấp theo nhịp thủy triều lên xuống mỗi ngày. Cảnh tượng vắng vẻ, cho ta cảm giác càng thêm quạnh hiu bởi tiếng kêu, tiếng gọi của loài dã điền làm tổ trong những đầm lầy hay ruộng muối - những con ngỗng trời, những con hải âu, vịt trời, le le, cò lửa, cò hương mò mẫm tìm mồi trên những hồ nước mặn. Còn sự hiện diện của loài người thì không có, không thấy một ai, hiếm lắm mới thấy một người lưới chim hoặc vài thổ dân mò sò, tới đó tiếp tục làm cái nghề đã cũ mèm ngay từ hồi những người Normand đặt chân lên miền Hastings.

Màu xám, màu xanh và màu xanh lá cây nhạt là những màu nổi bật, bởi vì suốt trong những mùa đông dài dằng dặc, nhiều vũng nước trên bãi biển, trên đầm lầy phản chiếu ánh sáng lạnh lẽo và xám đen của bầu trời. Nhưng đôi khi, vào buổi bình minh hoặc lúc hoàng hôn, màu trời sắc đất hực lên như ánh lửa vàng, lửa đỏ.

Sát bên một nhánh quanh co của con sông Aelder nhỏ bé có một quãng đê thuộc bức tường thành trấn giữ bờ biển ngày xưa, khúc đê nhẵn và kiên cố, không một kẽ hở, đó là thành lũy bảo vệ đất liền chống lại sự xâm lấn của biển cả. Con đê chạy sâu vào tận hồ muối, sâu vào đất liền tới ba dặm kể từ eo biển nước Anh, rồi từ đó rẽ theo hướng Bắc. Chính ở góc đó mặt đê bị song biển nhồi vỗ đã rạn vỡ tan tành. Con đê bị chọc thủng và qua chỗ hỏng, biển cả như con thú đói ủa vào tranh giành đất đai, cả bức tường thành và cả những vật gì còn lại nơi đó.

Lúc thủy triều rút, trơ ra những tảng đá vỡ màu xám đen, vết tích của một ngọn hải đăng hoang phế, nằm phơi trên mặt nước, lác đác quanh đó, tựa như những cái phao cột xác chết, rải rác đâu những cây cọc của một hàng rào đã bị lùn xuống. Ngày xưa ngọn hải đăng nhô cao trên biển và ánh đèn đã từng soi sáng dọc miền duyên hải Essex. Theo dòng năm tháng, sóng biển xoi đất lở dần, ngọn hải đăng hóa thành vô dụng.

Gần đây nó lại được dùng làm nơi trú ngụ của loài người. Có một người đàn ông cô độc đến đó ở. Thân hình méo mó, nhưng tâm hồn anh tràn đầy tình thương đối với các loài hoang thú bị săn đuổi. Trông anh thật xấu xí nhưng chính anh lại là người tạo ra cái đẹp. Câu chuyện sau đây thuật về chính chàng trai đó, và một cô bé đã tìm hiểu được chàng, tìm hiểu được một vẻ đẹp nào đó tiềm ẩn bên trong cái thân hình thô kệch của chàng.

Đây không phải loại truyện có bố cục với những tình tiết nhịp nhàng hấp dẫn. Cốt truyện được thu góp từ nhiều nguồn và từ nhiều người, một phần dưới hình thức những mẫu chuyện vụn vặt của chính những người đã chứng kiến những cảnh tượng khốc liệt và kỳ lạ. Rốt cuộc, biển cả đã trở lại nguyên vị, bao phủ lên nơi chiến trận lớp sóng nhấp nhô, và bóng chim trắng khổng lồ, hai đầu cánh đốm đen, cánh chim đã từng chứng kiến sự việc từ đầu đến cuối, cũng đã quay về miền yên lặng huyền bí, cóng lạnh của vùng Bắc cực, là nơi mà từ đó nó đã bay đi.



Vào cuối mùa xuân năm 1930, Philip Rhayader tìm đến ngọn hải đăng hoang phế ở cuối sông Aelder. Chàng mua vụng đèn bỏ hoang cùng nhiều mẫu đất lầy và đồng cỏ nước mặn quanh đó.

Chàng sống cô đơn và cặm cụi làm việc một mình quanh năm. Chàng là họa sĩ chuyên vẽ chim và phong cảnh thiên nhiên. Vì nhiều lý do, chàng đã trốn lánh khỏi xã hội loài người. Người ta có thể tìm ra một vài trong số những lý do đó, trong những chuyến chàng xuống làng Chelmbury, nửa tháng một kỳ để mua thực phẩm, phơi bày tấm thân lệch và bộ mặt đen đúa của chàng dưới những cái nhìn soi mói của dân làng. Bởi vì chàng gù lưng và cánh tay trái có tật teo đi, cổ tay khoèo lại tựa như móng của loài chim.

Ít lâu sau dân làng quen dần với hình dáng kỳ quái của chàng, nhỏ nhưng đầy sức lực, quen dần với chiếc đầu vững chắc, tóc đen, râu rậm hơi tụt xuống phía dưới chiếc gò bí hiểm mọc trên lưng chàng, quen dần với đôi mắt sáng ngời, cánh tay hình móng chim, và đối với họ chàng trở thành “anh chàng vẽ tranh kỳ quái sống ở hải đăng”.

Hình thù quái dị thường làm người có tật hận thù loài người. Nhưng Rhayader không hề thù hận, chàng thương yêu tha thiết con người, mọi loài muông thú và cảnh vật thiên nhiên. Tâm hồn chàng tràn đầy lòng thương xót và sự cảm thông. Chàng đã làm chủ được điều bất hạnh, nhưng chàng không sao chế ngự nổi sự hắt hủi phải hứng chịu, sự hắt hủi gây ra bởi hình thù quái dị của chàng. Sự kiện dồn chàng đến thế ảm dật là sự thất bại không tìm thấy nơi đâu

sự đền đáp lại mỗi cảm tình nồng nàn từ nội tâm chàng tuôn trào ra. Phụ nữ lần tránh chàng. Còn đàn ông có thể đối tốt với chàng, nên họ hiểu chàng. Nhưng chỉ nghĩ rằng người đó phải cố gắng mới hiểu được chàng cũng khiến chàng tủi hổ và cũng đủ để chàng lánh xa kẻ ấy.

Năm chàng đến Vùng đông lầy chàng đã hai mươi bảy tuổi. Chàng đã đi du lịch khá nhiều và đã chiến đấu một cách anh dũng trước khi đi đến quyết định rút lui ra khỏi cái thế giới mà chàng không có chỗ đứng như những người đàn ông khác. Ngoài sự nhạy cảm của người nghệ sĩ và sự hiền dịu đầy phụ nữ tính chứa chất trong lồng ngực căng phồng, chàng cũng đàn ông như ai.

Trong cuộc sống ẩn dật, chàng còn có chim chóc, hội họa và cánh thuyền buồm. Chàng có một chiếc thuyền dài mười sáu bộ, mà chàng sử dụng rất tài tình. Những lúc một mình, không bị ai dòm ngó xét nét, chàng điều khiển nó rất khéo léo bằng ngón tay có tật, chàng cũng thường vận dụng đến hai hàm răng vững chắc để điều chỉnh những cánh buồm bập bùng khi gặp cơn gió chướng.

Chàng thường thả thuyền dọc theo con lạch hay chạy ra khơi, mỗi lần chàng đi tới mấy ngày liền, tìm kiếm những loài chim mới để chụp ảnh hay vẽ phác và chàng cũng đã lưới được chim khá thiện nghệ để tặng thêm cho bày hoang điều mà chàng đã thu thập về nuôi trong chiếc chuồng dựng bên phòng vẽ vốn là trung tâm ở ẩn của chàng.

Chàng chẳng hề bắn chim bao giờ và chàng không chịu cho những người săn chim lại gần khu vực chàng ở. Chàng là bạn thân của mọi loài chim hoang dã và chúng cũng đền đáp lại chàng bằng tình thân hữu.

Thuần thực trong khu vườn nhà chàng có giống ngỗng hoang hàng năm cứ đến tháng Mười lại từ miền Băng-đảo và từ quần đảo Spitbergen bay dọc duyên hải mà xuống, từng bày lớp rợp trời và thỉnh thoảng rào rào tiếng cánh vỗ mỗi khi chúng bay ngang - những con ngỗng thân lông nâu, chân màu hồng, ngực lông trắng với những chiếc cổ lông đen và bộ mặt ngộ nghĩnh, những con hải âu long trắng ngực có sọc đen và nhiều loại vịt trời, le le, mòng két, mòng đóc...

Vài con được xén lông cánh ở lại làm chim hiệu và mỗi đầu mùa đông chúng sẽ như những loài hoang điều dừng cánh nơi đây là chỗ trú ẩn an toàn và sẽ có miếng ăn.

Hàng trắng con đã đến và ở với chàng suốt mùa đông lạnh buốt từ tháng Mười cho mãi tới đầu xuân, khi chúng lại di chuyển về phương bắc, trở về đất tổ của chúng, gần bên những vòm băng đá.

Rhayader thấy mãn nguyện khi biết rằng dù cho bão táp có dập vùi, sự lạnh buốt có nghiệt ngã và môi ăn có khan hiếm hay những cây sủng lớn mũi nhọn của những người thợ săn đeo túi đựng thú ở xa có nổ, thì những con chim của

chàng vẫn bình an - những con chim mà chàng đã tụ tập vào nơi an toàn dưới sự bảo trợ của đôi cánh tay và con tim chàng, những con chim hoang dã hiểu biết và đã đặt lòng tin cậy nơi chàng.

Vào xuân chúng sẽ đáp lại tiếng gọi của quê hương miền bắc, nhưng sang thu chúng sẽ trở lại, trở lại kêu la rôi rít, tru tréo om sòm, huyên não cả vòm trời thu muộn, lượn quanh ngọn hải đăng xưa cũ rồi cùng hạ cánh xuống gần đây để lại đóng vai khách quý của chàng - những con chim mà chàng còn nhớ rõ là đã nuôi chúng từ năm trước.

Và điều này khiến Rhayader sung sướng, bởi vì chàng biết rằng ẩn bên trong chúng có mầm móng tri giác về sự có mặt và nơi ẩn náu an toàn của chàng, rằng sự tri giác này đã tham dự vào cuộc đời chúng để mỗi khi bầu trời trở xám và gió bắc thổi lộng chúng sẽ tìm lại với chàng không hề lầm lẫn.

Ngoài ra chàng để hết tâm trí vào việc vẽ lại cảnh vật nơi chàng đang sống cùng những sinh vật trong miền. Không có nhiều tranh của Rhayader ngoài thị trường. Chàng say sưa giữ lại, chồng chất chúng trong hải đăng, và xếp đống ở những tầng trên có tới hàng trăm bức. Chàng không hài lòng về chúng, vì người nghệ sĩ vốn không mấy khi mãn nguyện về những gì mình sáng tạo.

Nhưng vài bức đến tay người thưởng ngoạn đều là những kiệt tác, tràn ngập nguồn sáng và màu sắc từ mặt nước loáng lên, từ những cánh chim bay rung động tỏa xuống, từ sự găng gỏi mãnh liệt của những cánh chim bay ngược luồng gió sớm mai đang thổi rập những ngọn lau lớn xuống. Chàng diễn tả về cô tịch và bầu khí lạnh đượm vị muối, sự vĩnh cửu, vẻ thiên thu của cánh đồng lầy, những sinh vật hoang dã, những đàn chim bay trong bình minh, hoặc hoảng hốt vút lên trời và những bóng chim xoải cánh bay trong đêm lặn trốn ánh trăng.



Vào một buổi chiều tháng Một, ba năm sau khi Rhayader đến ở vùng Đồng lầy, có một cô bé lại gần phòng vẽ trong hải đăng, qua lối bờ đê. Hai tay cô bé khư khư ôm một gói nặng.

Cô bé trạc mười hai tuổi, mảnh mai, lem luốc, lo lắng và nhút nhát như một con chim, nhưng dưới vẻ lọ lem ấy cô ta đẹp kỳ lạ như một nàng tiên ở vùng Đồng lầy. Cô là giống người Saxon thuần túy, to xương, da trắng mịn, với một chiếc đầu còn lớn hơn so với thân hình và đôi mắt thăm thẳm màu tím sẫm.

Cô bé vô cùng khiếp sợ người đàn ông xấu xí mà cô phải đến gặp, vì một huyền thoại về Rhayader đã bắt đầu hình thành, và những người thổ dân ưa săn bắn đâm ra thù ghét chàng vì chàng đã cản trở môn thể thao ưa thích của họ.

Nhưng vượt trên sự sợ hãi ấy là tình cảnh nguy khốn của sinh vật mà em đang ấp ủ trong tay. Trong trái tim nhỏ bé của em, đã gắn sâu sự hiểu biết, nhờ nghe người ta đồn đãi quanh vùng, rằng con ngoáo ộp sống trong hải đăng có bùa phép chữa lành những thú vật bị thương.

Trước đó chưa bao giờ cô bé nhìn thấy Rhayader và cô suýt hoảng hốt bỏ chạy trước bóng dáng chàng xuất hiện nơi khung cửa phòng vẽ, khi nghe tiếng chân người lại gần - một sự hiện hình dễ sợ với chiếc đầu bù xù và bộ râu đen, chiếc lưng gù buồn thảm và cánh tay khoèo hình móng chim.

Cô bé đứng sững lại, nhướn mắt nhìn chăm chặp hơi sấn như một con chim nhút nhát dưới đồng lầy sần sàng cất cánh bay xa.

Nhưng khi chàng lên tiếng, giọng chàng thật trầm và thân thiện:

“Có chuyện gì đây em?”

Cô bé vẫn không bớt sợ hãi, rụt rè bước tới. Vật mà cô bé ôm trong cánh tay là một con chim lớn màu trắng, con vật nằm bất động. Có những vết máu trên bộ lông trắng và trên chiếc áo của cô bé nơi mảnh vạt dùng để lót con chim.

Cô bé đặt con chim vào đôi cánh tay chàng. “Thưa ông, em bắt gặp nó, nó bị thương. Nó còn sống, phải không ông?”

“Đúng. Đúng đây, tôi cũng nghĩ vậy. Vào đây, vào đây em”.

Rhayader mang con chim vào trong nhà, đặt nó lên bàn, và con vật yếu đuối tựa mình. Tính tò mò lướt thắng sự sợ hãi. Cô bé vào theo và thấy mình ấm hẳn lên trong căn phòng có ngọn lửa than đốt để sưởi, căn phòng sáng rực lên dưới những bức tranh màu treo la liệt trên tường, và tràn ngập một mùi hương là lạ nhưng dễ chịu.

Con chim vỗ cánh. Với bàn tay lạnh lạnh, Rhayader trải rộng một trong hai chiếc cánh trắng lớn ra. Bề mặt cánh có đốm đen rất đẹp.

Rhayader trầm trồ ngấm ngấm và hỏi: “Này em! Em thấy nó ở đâu đây?”

“Ồ trong đồng lầy, ông ạ, nơi những tay thợ săn đi qua, loại chim gì ông nhỉ?”

“Loại ngỗng trốn tuyết gốc Canada. Mà tại sao nên nông nỗi này?”

Tên con chim hình như chẳng có nghĩa gì đối với cô gái bé nhỏ. Đôi mắt thăm thẳm màu tím sẫm sáng lên làm át cả vẻ lem luốc của khuôn mặt gầy đét, chăm chú nhìn con vật bị thương đầy vẻ lo âu.

Cô bé hỏi: “Liệu ông có chữa cho nó lành được không?”.

“Được, được chứ”, Rhayader đáp. “Chúng ta thử xem sao. Lại đây, em giúp tôi một tay nhé”.

Trên kệ có sẵn kéo, băng và nẹp gu để tháo xương bị gãy, và mặc dù có tật, chàng khéo tay lạ thường, ngay cả cánh tay khoèo hình móng chim cũng vậy, cầm vật dụng rất tài.

Chàng nói: “Tội nghiệp! Cô ả bị đạn bắn trúng đây. Cẳng bị gãy rồi, đầu cánh cũng vậy! Nhưng không đến nỗi nặng lắm. Xem nào, mình phải xén lông cánh mới băng bó được, nhưng sang xuân rồi lông cánh sẽ mọc lại và cô ả lại bay đi. Mình sẽ cột chặt cánh vào thân, và như vậy cô ta sẽ không cựa quậy đôi cánh được cho tới khi lành hẳn. Kế đó mình sẽ bó chỗ chân cô ả bị đau.

Cô bé quên cả sợ, cô say sưa theo dõi việc làm của chàng, một phần cũng vì chàng vừa bó chiếc chân chim gãy vừa kể cho cô nghe một câu chuyện kỳ diệu.

Con chim còn non, chưa tròn một tuổi. Nó sinh ra ở đất bắc xa xôi, cách mấy trùng biển cả, trên một lãnh địa thuộc vương quốc Anh cát lợi. Nó bay về phương nam để trốn tuyết, trốn băng giá, trốn làn khí lạnh rợn người, một cơn bão lớn đã vồ lấy nó, đã cuốn nó vào trong những đợt cuồng phong. Một trận bão thật kinh khủng, mạnh gấp bội đôi cánh lớn của nó, và mạnh hơn cả bất cứ sức mạnh nào. Ròng rã nhiều đêm và nhiều ngày, trận bão đã xua đuổi nó, không ngừng nghỉ và con chim mắc kẹt không thể làm được gì hơn là nương bay theo luồng gió cuốn. Sau cùng cơn bão tan dần và bản năng tinh tường lại dẫn nó bay theo về hướng nam, nó đã tới một miền đất xa lạ và quanh nó toàn giống chim lạ mà trước đó nó chưa hề thấy. Sau cùng, mệt mỏi vì đuổi sức, nó sà xuống nghỉ trên cánh đồng xanh thân thuộc để rồi được viên đạn của người đi săn tiếp đón.

“Một lối tiếp rước tàn nhẫn đối với một vì công chúa từ nơi xa lạ tới viếng thăm”, Rhayader kết luận. “Mình sẽ gọi cô ta bằng biệt hiệu “La Princesse Perdue”, Nàng Công Chúa Lạc Loài. Rồi chỉ ít ngày nàng sẽ khá hẳn đó. Coi nào!”. Chàng thọc tay vào túi lấy ra một nắm hạt. Con ngỗng trốn tuyết mở tròn đôi mắt màu vàng và bắt đầu rìa môi.

Cô bé cất tiếng cười thích thú, rồi bỗng nín thở vì chột hoảng sợ khi nhận ra nơi chốn cô ta đang ở, và không nói nửa lời cô bé quay mình chạy vọt ra khỏi cửa.

“Đợi chút, đợi một chút” Rhayader la lên và chạy theo ra cửa. Chàng dừng lại nơi ngưỡng cửa và khuôn cửa đóng khung lấy hình thù kèn càng của chàng. Cô bé đã thoát ra tới bờ đê ven biển rồi, nhưng nghe tiếng gọi thì dừng lại.

“Này em, tên em là gì nhỉ?”

“Frith”.

“Hả?” Rhayader hỏi. “Tôi chắc là Fritha mới đúng. Thế em ở đâu?”

“Vói dân chài dưới bến Wickaeldroth”. Cô bé đọc tên ấy bằng giọng Saxon thật xưa.

“Mai hay một em có lại thăm sức khỏe nàng Công chúa hay không?”

Cô bé không trả lời ngay khiến Rhayader lại liên tưởng đến những con chim hoang dưới đầm lầy khi hoảng sợ thường bất động trong khoảng một phần giây trước khi vỗ cánh bay xa.

Nhưng giọng nói trong trẻo mà yếu ớt của cô bé lại vọng tới chàng: “Có chứ!”

Và rồi cô bé bỏ chạy, mái tóc hung vàng tha thướt tung bay trước gió.

Con ngỗng trốn tuyết bình phục mau lẹ, khoảng giữa mùa đông nó đã tập tễnh đi trong khu đất có hàng rào, hay nhập bọn với những con ngỗng hoang chân hồng, chứ không đi với bọn lông nâu, và nó cũng biết chạy lại tìm ăn mỗi khi Rhayader lên tiếng gọi. Và cô bé, Fritha, hay Frith, là người khách thường xuyên lui tới. Cô bé không còn sợ hãi Rhayader nữa. Trí tưởng tượng của cô bị thu hút bởi sự hiện diện của nàng công chúa áo trắng kỳ ngộ đến từ miền đất lạ cách mấy trùng dương, miền đất màu toàn hồng trên tấm bản đồ mà Rhayader đã chỉ cho em xem, trên đó hai người dựng lại cuộc hành trình vất vả mà cánh chim lạc lõng trong cơn bão đã vượt qua kể từ khi rời quê hương trên đất Canada để đến miền Đồng lầy rộng lớn trên duyên hải Essex.

Rồi một buổi sáng tháng Sáu một bầy ngỗng chân hồng cuối cùng, no nê, mập mạp sau suốt mùa đông ở hải đặng, nghe theo tiếng gọi thôi thúc của miền đất xanh tươi, uể oải bay lẩn theo vòng tròn ốc mỗi lúc một rộng. Lẩn trong đàn chim đó, rực sáng trong ánh nắng xuân tươi, là thân lông trắng tuyền với hai đầu cánh lớn đốm đen của con chim trốn tuyết. Sự việc xảy ra vào lúc Frith có mặt ở hải đặng. Tiếng kêu của cô bé khiến Rhayader từ trong phòng vẽ nhảy bổ ra.

“Coi kìa! Coi kìa! Nàng Công chúa Bộ nàng cũng bỏ đi hay sao?”

Rhayader ngược nhìn lên trời dõi theo những chấm đen di chuyển “Chà!” chàng nói, bất giác đập theo lời cô bé, “Nàng Công chúa hồi hương! Lắng tai mà nghe Nàng đang từ giã chúng ta đó”.

Từ trên vòm trời trong vắt vọng xuống tiếng kêu ai oán của những con ngỗng chân hồng, và nổi bật lên trên, cao hơn, trong hơn, là tiếng của con chim trốn tuyết.

Những chấm đen di chuyển theo hướng bắc, kết thành hình chữ v nhỏ dần, rồi mất hút.

Từ bữa con chim trốn tuyết ra đi, Frith không lui tới vọng hải đăng nữa. Rhayader lai một lần nữa thăm thú ý nghĩa của hai chữ “cô đơn”.

Mùa hè năm ấy, moi trong ký ức chàng vẽ lại hình dáng thanh thanh của cô bé, mặt lem luốc, mái tóc hung nâu bồng bênh trong gió lồng trời tháng Chín, trong tay ghì chặt một con chim trắng bị thương.



Vào giữa tháng Mười, có một chuyện lạ xảy ra. Lúc đó Rhayader đang đứng trong khu đất có hàng rào cho chim ăn. Gió đông bắc gây gấy lạnh và mặt đất râm rì dưới làn nước thủy triều dâng. Vượt trên tiếng sóng biển và tiếng gió rì rào, chàng chợt nghe, có tiếng kêu lạnh lạnh, cao vút. Chàng ngược mắt nhìn lên vòm trời chiều

Vừa đúng lúc để trước hết thấy một chấm đen nhỏ xíu, rồi thấy ảo ảnh một giấc mơ đen trắng chập chờn xuất hiện, nó lượn quanh hải đăng một vòng, rồi, sau chót, một cánh chim thực hạ cánh xuống đất ngay chỗ chuồng chim rồi đường bệ tiến lên đòi ăn như thể nó chưa hề bỏ đi xa bao giờ. Đó chính là con chim trốn tuyết. Không thể nào lầm lẫn được. Nó đã đi đâu? Chắc chắn là không bay về tổ nó bên Canada. Không, chắc hẳn là nó đi nghỉ hè ở Greenland hay Spitzbergen với những con ngỗng chân hồng. Nó đã nhớ và đã trở lại.

Kỳ tới xuống thôn Chelmbury mua lương thực, chàng nhờ cô trưởng trạm bưu điện nhắn tin giùm và điều đó đã khiến cô ta ngạc nhiên không ít. Chàng nói: “Phiền cô làm ơn nói lại với Frith, cô bé ở dưới xóm chài Wickældroth, rằng Nàng Công chúa Đi Lạc đã trở lại”.

Ba hôm sau, Frith, to lớn hơn, nhưng áo quần vẫn xộc xệch, tóc rối, bẽn lèn tìm đến hải đăng để thăm nàng công chúa.

Thời gian trôi qua. Trên vùng Đồng lầy, bước đi của thời gian được đánh dấu bởi sự lặn xuống của nước thủy triều, nhịp đi chậm chậm của bốn mùa, sự di chuyển của chim muông, và, riêng đối với Rhayader, sự đến và đi của con chim trốn tuyết.



Thế giới bên ngoài xao động, bùng sôi và gầm gừ dưới áp lực của một mãnh lực nào đấy, không bao lâu sau đã bùng nổ và đưa thế giới đến bên bờ sự hủy diệt. Nhưng mãi tới lúc đó, Rhayader vẫn chưa chịu ảnh hưởng của thời cuộc, và cả Frith cũng thế. Ngay cả khi cô bé đã khôn lớn, hai người vẫn hòa hợp tự nhiên một cách lạ thường. Khi con chim trốn tuyết có mặt tại hải đăng thì chính cô bé cũng lại lui tới để thăm viếng và học hỏi Rhayader được nhiều điều. Hai người ra biển chơi trên chiếc thuyền buồm chạy nhanh mà chàng điều khiển rất tài tình. Họ lưới chim hoang để tăng thêm số chim đang nuôi, và dựng thêm hàng rào, mở thêm sân che chở cho chúng. Nhờ chàng, cô bé học hỏi được nhiều về đủ loài dã thú, từ loài hải âu tới giống chim ưng bay lượn trên vùng đồng lầy. Thỉnh thoảng cô bé nấu ăn cho chàng và đôi khi cô còn tập pha sơn vẽ nữa.

Nhưng hễ con chim trốn tuyết bay về vùng cư ngụ mùa hè thì mọi việc lại xảy ra như thể có một hàng rào ngăn cách giữa hai người và cô gái không lui tới hải đăng nữa. Có một năm con chim không trở lại và Rhayader buồn khôn tả xiết. Chàng như có cảm tưởng mọi sự đều như đã hết trong đời chàng. Chàng vẽ như điên suốt mùa đông và mùa hè sau đó, và không hề gặp mặt cô bé một lần nào. Nhưng vào thu, tiếng kêu thân thuộc lại vang trên thính không, và cánh chim trắng khổng lồ, bây giờ đã lớn hết cỡ, từ trời cao hạ xuống cũng bí mật như lúc nó ra đi. Mừng rỡ, Rhayader dong thuyền xuống Chelmbury để nhờ cô trưởng trạm bưu điện nhắn tin giùm.

Lạ thay, lần này sau khi nhắn tin phải đợi tới hơn một tháng trời Frith mới xuất hiện và Rhayader kinh ngạc đến sững người khi nhận thấy cô ta không còn là một cô bé nữa.

Và sau cái năm con chim không tới ấy, thời hạn nó vắng mặt càng lúc càng thu ngắn lại. Nó đã trở nên dạn dĩ đến nỗi lúc nào nó cũng quần quít theo Rhayader và nó dám vào cả trong phòng vẽ những lúc chàng đang làm việc.



**M**ùa xuân năm 1940 bày di điều rời khỏi vùng Đồng lầy sớm hơn thường lệ. Thế giới đã lâm chiến. Tiếng gầm tiếng rú của máy bay phóng pháo và tiếng nổ ì ầm của bom đạn làm chúng khiếp đảm. Hôm mùng một tháng Năm, Frith và Rhayader đứng vai kề vai bên bờ đê ven biển dõi theo những đốm cánh cuối cùng của đàn ngỗng chân hồng cánh không bị xén và những con ngỗng hoang nâu cất cánh bay lên từ nơi chúng trú ẩn. Cô gái thì cao, dáng thanh tú, thanh thoi như gió thoảng, vẻ đẹp mê hồn. Chàng thì đen đúa, thô kệch, cái đầu râu tóc bù xù ngược nhìn lên trời, đôi mắt đen lóng lánh theo dõi đàn chim bay thành hàng.

“Coi kìa, Philip”, Frith gọi.

Rhayader nhìn theo hướng mắt của cô gái. Con chim trốn tuyết đã cất cánh, đôi cánh lớn xòe ra, nhưng nó bay thấp và có lúc bay sát chỗ hai người đứng, sát đến nỗi hai đầu cánh đen gần như quệt vào người họ, và họ cảm thấy luồng gió mạnh của lớp cánh chim tạt vào người.

Một lần, rồi hai lần, con chim lượn quanh hải đăng, rồi hạ cánh trong sân, nơi có những con ngỗng bị xén long cánh còn ở lại, và bắt đầu nhặt mỗi ăn thông thả.

“Nó không đi nữa”, Frith nói, đẩy về kính ngạc trong giọng cô gái. Cánh chim trong lúc bay sà xuống sát bên cô dường như đã đem đến cho cô một niềm phấn khởi kỳ diệu “Nàng Công chúa sẽ ở lại”.

“Phải”, Rhayader đáp, và giọng nói của chàng run lên vì cảm động. “Nàng sẽ ở lại. Nàng sẽ không đi nữa. Nàng Công chúa Đi Lạc sẽ không còn đi lạc nữa. Từ nay nơi đây là quê hương của nàng - quê hương do nàng tự ý chọn lựa”.

Sức quyến rũ mà cánh chim vẫn chung quanh cô gái bị rạn vỡ và Frith bỗng ý thức được sự kiện là cô bị kinh hoàng, và nguyên nhân gây nên sự sợ hãi ấy chính là đôi mắt Rhayader - sự van lơn cầu khẩn, nỗi cô đơn và tất cả những gì thâm kín, sâu xa, sôi động đều tiềm ẩn bên trong và bên trên tia mắt ấy, lúc chàng ngược nhìn cô.

Những lời chàng vừa nói cứ lặp lại trong đầu cô gái tựa như chính chàng vừa nhắc lại: “Từ nay nơi đây là quê hương của cô - cô tự ý chọn lựa”. Bản năng hiền dịu của Frith đã làm cho Rhayader xao xuyến và làm cho cô hiểu được những ý nghĩ thâm kín mà vì mặc cảm, tật nguyên, xấu xí, chàng đã không thể nói được lên lời. Và vì lời nói của chàng có sức phủ dụ cô, cô lại càng thêm hoảng sợ trước sự yên lặng cùng mãnh lực của những gì không nói ra giữa hai người. Bản năng đàn bà trong cô như thôi thúc cô bỏ chạy trước một sự việc nào đó mà cô chưa đủ khả năng hiểu thấu.

Frith lấp bắp: “Em - em phải về. Thôi chào ông. Em cũng vui là - là nàng công chúa sẽ ở lại. Từ đây ông không cô đơn lắm nữa”.

Cô gái quay lưng, thoăn thoắt bước đi và chỉ thoáng nghe thấy lời chào buồn thảm “Chào em. Frith”, mơ hồ như tiếng ma, lạc trong tiếng gió thổi rì rào trên đồng cỏ hoang. Đi được một thôi dài rồi cô mới dám liếc mắt nhìn trở lại phía sau. Chàng vẫn đứng trên bờ đê, một chấm đen nhỏ in trên nền trời bao la.

Cơn sợ hãi bấy giờ mới tan. Nó nhường chỗ cho một cái gì khác, một cảm giác mát mát là lạ, cảm giác đó mạnh đến nỗi khiến cô đứng sững lại hồi lâu.

Rồi, bước đi chậm hơn, cô tiếp tục rời xa dần ngọn hải đăng mọc chĩa lên nền trời như một ngón tay, tiếp tục rời xa dần người đàn ông đứng ở phía dưới.



Sau đó có đến ba tuần Frith mới trở lại hải đăng. Tháng Năm đã gần hết, và ngày hôm đó, ngày cũng gần tàn, vào lúc ánh hoàng hôn đang nhường dần chỗ cho màu trắng bạc của vầng trăng đã treo lơ lửng trên vòm trời phía đông.

Cô gái tự nhủ, trong lúc tiến bước, rằng cô cần phải tới xem con chim trốn tuyết có còn ở lại đúng như lời Rhayader đã nói hay chẳng. Rất có thể là rất cuộc nó lại đã bay đi. Những bước đi vững chắc của cô trên mặt đê thật là hăng hái và đôi lúc bất giác cô chợt nhận ra mình đang hối hả bước mau.

Frith nhìn thấy ánh lửa vàng của chiếc đèn lồng ở dưới bên riêng của Rhayader và cô xuống gặp chàng dưới đó. Chiếc thuyền buồm của chàng nhẹ đung đưa trên ngọn nước triều dâng và chàng đang chất lương thực lên thuyền - nước ngọt, thức ăn khô, mấy chai rượu mạnh, đồ dùng trên thuyền và một cánh buồm phòng hờ. Khi chàng quay lại vì nghe tiếng chân cô đến gần, cô thấy vẻ mặt chàng tái nhợt, nhưng đôi mắt đen lúc bình thường vốn rất ư dịu dàng, đang sáng ngời lên vì cảm kích, và chàng thở hào hển vì mệt nhọc.

Frith bỗng nhiên cảm thấy lo sợ. Con chim trốn tuyết bị lãng quên rồi. “Philip! Bộ anh dọn đi nơi khác à?”

Rhayader ngừng tay để chào đón cô gái, và trên nét mặt chàng thoáng hiện một vẻ gì khác thường - một sắc diện hơn hờ mà trước đó cô chưa bao giờ bắt gặp.

“Frith! Tôi mừng vì em đến đúng lúc. Vâng, tôi phải đi. Một chuyến đi ngắn ngủi. Rồi tôi sẽ trở về”. Giọng nói của chàng thường nhạt dịu dàng bữa nay trở nên khàn khàn vì chàng đã cố gắng rõ rệt để chế ngự cơn xúc động trong nội tâm.

Frith hỏi: “Anh phải đi đâu chứ?”

Rhayader vồn vã kể. Chàng phải đi Dunkerque. Cách chừng một trăm dặm bên kia bờ biển phía Bắc, một đạo quân Anh mắc bẫy ở đó, trên bãi cát, đang chờ bị tiêu diệt bởi bàn tay quân Đức đang tiến tới. Hải cảng ngùn ngụt bốc cháy, tình cảnh thật tuyệt vọng. Chàng nghe được tin ấy khi chàng xuống dưới làng mua lương thực. Nhiều người đã đáp lại lời kêu gọi của chánh phủ rời bến Chelmbury với đủ thứ tàu: tàu kéo hàng, tàu đánh cá hay xuồng máy, miễn là máy còn chạy nổi đều được kéo ra khỏi cảng, vượt eo biển để lôi binh sĩ ra khỏi

bãi biển, chở họ đến những tàu vận tải hay những chiến hạm lớn không vào chỗ cạn được. Dân chúng cố gắng cứu sống càng nhiều càng hay số binh sĩ Anh thoát khỏi làn mưa đạn của quân Đức.

Frith lắng nghe và cảm thấy lòng mình buồn như muốn chết. Chàng cho là chàng sẽ vượt eo biển trên chiếc thuyền buồm nhỏ của chàng. Nó có thể chở được sáu người mỗi chuyến, nếu cần thì bảy người. Chàng có thể chở nhiều chuyến từ bãi biển ra tàu vận tải đậu ngoài khơi.

Cô gái còn trẻ, chất phác, vụng dại. Em chưa hiểu gì về chiến tranh, hoặc về những gì đang xảy ra trên đất Pháp, hoặc về ý nghĩa sự mắc bẫy của đoàn quân, nhưng do linh tính cô gái cũng biết ở nơi xa xôi đó thật là nguy hiểm.

“Philip! Anh đi thật sao? Anh sẽ không về được đâu. Mà sao anh lại phải đi?”

Con hăng say đang bùng bột trong tâm hồn chàng tưởng chừng như bị tan biến trước đợt đầu tiên của những câu nói và chàng cố giải thích bằng những lời lẽ mà cô gái có thể hiểu được.

Chàng nói: “ Binh sĩ bị lừa ra bãi biển giống như những con chim bị săn đuổi, Frith ạ, như những con chim bị săn và bị thương mà chúng mình vẫn bắt gặp và đưa về nơi trú ẩn. Bay lượn trên họ là một bầy chim bằng thép, những con điều hâu, chim ưng, kền kền, và họ chẳng biết núp vào đâu để lẩn tránh những con chim sắt săn mồi ấy. Họ bị thua, bị bão táp dồn dập, bị đe dọa như nòng công chúa đi lạc mà em đã bắt gặp trong đầm lầy và mang đến cho tôi nhiều năm về trước, và chúng ta đã cùng lo chạy chữa. Cũng như bầy hoang diều của chúng ta, những người lính đó cần được giúp đỡ, em ạ, và vì thế mà tôi phải đi. Đó là việc tôi có thể làm được. Đúng, tôi làm được mà. Ít ra là một lần - phải, ít ra là một lần tôi có dịp chứng tỏ tôi là đàn ông và có thể đảm nhận trách nhiệm của mình”.

Frith nhìn Rhayader trừng trừng. Chàng như đã hóa thân. Lần đầu tiên cô gái thấy chàng không còn xấu xí, tật nguyên, cục mịch nữa, trái lại chàng rất đẹp. Trong tâm hồn cô gái cũng sôi sục bao nhiêu điều cần được nói lên lời, nhưng cô không biết nói thế nào.

“Philip! Em sẽ cùng đi với anh!”

Rhayader lắc đầu. “Em đi thì thuyền sẽ mất bớt một chỗ, do đó một người lính sẽ bị bỏ lại, rồi một người nữa, và một người nữa. Anh phải đi một mình, em ạ”.

Chàng mặc áo đi mưa, đi giày ống cao su và dong thuyền chạy. Chàng giơ tay vẫy gọi với lại: “Tạm biệt nhé! Nhờ em săn sóc giùm lũ chim đến lúc anh về nghe Frith!”

Frith đưa tay lên, nhưng chỉ tới lưng chừng thôi, vẫy lại “Cầu xin Chúa che chở cho anh”, rồi cô vội giải thích ngay bằng thổ ngữ Saxon. Em sẽ săn sóc đàn chim. Cầu trời che chở cho anh, anh Philip”.

Lúc đó đã vào đêm, trời sáng dưới ánh sao, ánh vầng trăng lưỡi liềm cùng ánh lửa cháy hồng từ phương bắc. Frith đứng trên bờ đê, ngó theo cánh buồm trườn trên con lạch ngập nước triều dâng. Bỗng nhiên, từ vùng bóng tối phía sau cô gái, có tiếng cánh bay ào ào và có một vật gì đó bay ngang qua sát bên cô. Trong ánh sao đêm cô thoáng thấy đôi cánh trắng lóe sáng, đầu cánh có đốm đen, và cái đầu chúm về phía trước của con chim trốn tuyết.

Nó bay lên và lượn một vòng quanh ngọn tháp đèn rồi bay xuôi theo hướng con lạch quanh co trên đó cánh buồm của Rhayader đang lướt nhanh dưới làn gió lộng. Con chim bay chậm chậm phía trên con thuyền theo hình vòng tròn rộng.

Còn nhìn thấy cánh buồm trắng và cánh chim trắng trong một hồi lâu.

“Hãy trông chừng chàng, hãy che chở cho chàng”, Frith thì thào. Lúc cả hai cùng khuất bóng, cô gái quay lưng và uể oải cất bước, đầu cúi thấp, đi về hải đăng trống vắng.

Đến đây câu chuyện được chấp nhật đây đó, và một trong những mẫu chuyện vụn vặt đó được thuật lại do lời những người lính đi phép trong quán Crown anh Arrow, một quán rượu gần thánh đường East Chapel.

“Một con ngỗng, một con ngỗng tuyệt đẹp đã cứu tôi”, anh binh nhì Potton thuộc Ngự đoàn Bộ binh thành Luân Đôn nói.

“Xì”, người lính pháo thủ co đầu gói cong, tỏ vẻ không tin.

“Đúng là một con ngỗng, tôi nói chắc mà. Này Jock, cậu cũng trông thấy nó như tôi, đúng không? Nó bay xuống từ đám khói bụi mịt mù, nồng khét của chiến trường Dunkirk, lơ lửng trên đầu bọn này. Lông nó trắng, đầu cánh có đốm đen, và nó lượn xung quanh bọn này như một phi cơ phóng pháo mắc dịch nọ. Jock thấy thế mới nói: “Tiêu rồi. Thần chết đến tìm bọn mình đó”.

“Bậy nào”, tôi cãi, “Đây là con ngỗng hồng, từ quê hương mình bay sang mang theo thông điệp của Churchill, ông ta muốn biết tụi mình đang thương thức cái thú tằm mát này ra làm sao. Đây là một điềm báo, đúng mà, dù là điềm báo đầy máu. Rồi thế nào bọn mình cũng thoát mà, bạn ơi”.

“Tụi mình đang bị nướng chín trên bãi biển nằm giữa Dunkirk và Lapauny, giống như một xâu chim câu óng chuốt trên bờ hồ Victoria, đang chờ lão đồ tể Jerry đến vật lông làm thịt. Chắc chắn hẳn sẽ ăn sống nuột tươi bọn mình. Hẳn theo bết gót mình, thúc cạnh sườn mình và ngay trên đầu mình. Hẳn sẽ cho mình một phát đạn ghém và tặng mình tước vị, và từ trên vòm trời trong sáng lũ quỷ Jittersmiths sẽ rắc tiêu lên đầu mình”.

“Và ngoài khơi có chiếc Kentish Mai, chiếc tàu chở du khách mà tôi đã đáp nhiều chuyến đi Margate trong dịp hè, giá vé 2 đồng 6 hào, đang chờ đón tụi tôi, nó đậu chỉ cách chỗ bãi biển đang lâm chiến chừng nửa dặm đường.

“Trong lúc tụi tôi nằm trên bãi biển thì chỉ còn biết chửi thề thôi vì không có cách nào ra được chỗ tàu đậu, một chiếc Stuka nhào xuống con tàu, một chuỗi bom rơi dội bên hông tàu, khiến nước tung lên trông như những vòi nước vọt trong vườn hoa các dinh thự, có điều là ở vườn hoa thì các vòi nước phun lên đều đều.

“Rồi một chiếc khu trục hạm ló ra bảo chiếc Stuka: “Đừng có làm thế”, bằng những tiếng nổ tạch tạch, ùng ùng, nhưng một chiến Jerry khác lại nhào xuống chiếc khu trục hạm và ném bom trúng. Khiếp! Nó nhảy tưng lên! Nó bốc cháy trước khi chìm, rồi khói, mùi khét lẹt tạt và tận bãi biển, khói vàng, khói đen, và từ đám khói ấy xuất hiện con ngỗng sáng hực, nó lượn quanh chúng tôi đang nằm mắc kẹt trên bờ biển.

“Thế rồi, từ một khúc biển uốn quanh xuất hiện một chiếc thuyền nhỏ vậy máu, chạy thật thanh thản tựa như một du thuyền rực rỡ nhàn nhã dong chơi vào một buổi chiều chủ nhật trên hồ Henlye.

“Ai đó?” Một người thường dân hỏi.

“Tôi đây! Tôi đến để cứu mấy anh đây”. Con thuyền đã vô sự vượt qua làn mưa đạn súng liên thanh từ một chiếc máy bay trong phi đội phóng pháo Đức đội xuống - trước đó nửa giờ một chiếc thuyền gắn máy ở Ramsgate đã cô vào chuyến chúng tôi đi và đã bị bắn chìm - mặt nước ngàu lên vì vết đạn cày, nhưng gã lái thuyền như không lưu ý tới, chắc chắn là gã không thèm lưu ý tới. Làm gì có xăng nhớt mà sợ bị cháy hay phát nổ, và cứ thế nó len lỏi qua những mũi đạn chúc xuống rào rào.

“Từ trong làn khói đen của chiếc tàu bốc cháy rỏ vào chỗ cạn, có một anh chàng nhỏ thó, đen đúa, có râu, một bên cánh tay có tật giống như chiếc móng chim, và một cục bướu trên lưng.

“Gã gù gắn chặt sợi dây giữa hai hàm răng, sợi dây trắng bóng giữa bộ râu đen rậm, ngồi đằng đuôi lái gã vẫy chúng tôi lại. Và ngay trên đầu là cánh chim lực lưỡng lượn qua lượn lại.”

Thấy thế Jock nói: “Coi kìa, điên thật rồi. Đúng là loài quỷ dữ đến rước mình đi. Chẳng thà trúng đạn chết mất ngáp còn hơn là trông thấy nó”.

“Bậy nào”, tôi cãi, “tôi thấy hắn ta giống ông Thiện chứ không phải loài quỷ dữ”. Mà thật thế trông hắn ta giống những bức hình in trong những cuốn sách giáo lý với khuôn mặt trắng, đôi mắt đen, và bộ râu rậm, và ngay cả con thuyền quái quỷ của hắn nữa.

“Tôi có đủ chỗ cho bảy người mỗi chuyến”, hắn hô lên khi chiếc thuyền ghé lại gần.

Vị sĩ quan chỉ huy chúng tôi đáp: “Anh can đảm lắm... Bảy cậu nào gần thuyền nhất, lên đi!”.

“Chúng tôi lội ụa ra tới bên thuyền hắn. Tôi mệt đến nỗi không leo lên được cạnh thuyền, nhưng hắn nắm lấy gáy áo tôi mà lôi lên, miệng nói: “Ráng lên nào, anh bạn”, rồi người kế tiếp leo lên.

“Thế là tôi lên được. Chà, hắn mới khỏe làm sao chứ. Rồi hắn kéo buồm lên, một phần cánh buồm lỗ chỗ đạn súng máy giống như chiếc sàng sảy lúa, và hắn hô to: “Ngồi cả xuống lòng thuyền, máy chú, phòng trường hợp dọc đường có gặp thêm đồng đội của máy chú chẳng”, và rồi chúng tôi rời khỏi bờ, hắn ngồi đằng sau lái, răng cắn chặt sợi dây thừng, chiếc tay khoèo hình móng chim nắm giữ một sợi khác, tay phải bẻ lái và rồi con thuyền lướt sóng ra khơi, chạy len lỏi giữa những viên đạn làm tung tóe nước, từ một ổ súng đặt ở một nơi nào đó trong bờ biển bắn ra. Và cánh ngỗng lợc lợc đi lợc lại, kêu quàng quạc át cả tiếng gió và tiếng huyên náo mà quân Đức đang tạo nên, giống như ngày đại hội khiêu vũ hóa trang trên đường phố thành Winchester.

“Tôi đã bảo anh rằng con ngỗng kia là điềm lành mà”, tôi nói với thằng Jock. “Nhìn hắn mà xem, hắn là ông Thiện tới cứu mình mà”.

“Hắn ngồi ở chỗ tay lái, ngược nhìn lên cánh ngỗng, răng cắn chặt sợi dây thừng, và mỉm cười với con ngỗng như đã từng quen biết nó từ lâu.

“Hắn đem chúng tôi ra tới tàu Kentish Mai rồi lại quay thuyền đi chờ chuyến khác. Suốt buổi chiều và luôn cả đêm hôm đó nữa hắn chờ được rất nhiều chuyến, vì cả vùng trời Dukirk cháy sáng rực nên có thể nhìn thấy rõ như ban ngày. Tôi không rõ hắn đi được bao nhiêu chuyến, nhưng hắn và chiếc đu thuyền có gắn máy hạo hạng của hội bơi thuyền Thames Yacht Club và một chiếc tàu cấp cứu khác từ bên Poole tới đã hè vào chờ hết bọn tôi, không sót một tên nào, ra khỏi cái dải đất đặc biệt của vùng hỏa ngục ấy.

“Tàu nhỏ neo khi người cuối cùng trong bọn tôi đã lên, có tới trên bảy trăm mạng nhét trên con tàu đó đóng để chờ chừng hai trăm người. Hắn hãy còn ở lại

đó khi chúng tôi khởi hành, hắn vẫy tay từ giã chúng tôi và lại quay mũi theo hướng Dunkerque, con ngỗng vẫn bám theo sát hắn. Trông thật là ngộ nghĩnh, cánh chim lực lưỡng bay quanh chiếc thuyền của hắn, cánh chim lóe ngời ánh lửa đạn, tựa như một vị thiên thần trong trắng bay lượn giữa đám khói lửa mịt mờ.

“Một chiếc Stuka dọc đường lại tấn công chúng tôi thêm một lần nữa, nhưng anh chàng phi công ý hắn đã thiếu ngủ từ nhiều đêm trước nên oanh tạc hụt đích. Tảng sáng chúng tôi về đến nước nhà bình an vô sự.

“Sau đó tôi không biết số phận hắn ra sao, hoặc hắn là ai - cái anh chàng gù lưng với chiếc thuyền buồm bé nhỏ của hắn. Anh chàng đó thật là can đảm và tốt bụng lạ thường”.

“Chà”, người lính pháo thủ nói. “Một cánh chim lực lưỡng và hung hung đỏ, có ai biết không nào?”

Trong một câu lạc bộ sĩ quan ở đường Brook, một sĩ quan hải quân hồi hưu, sáu mươi lăm tuổi, trung tá hải quân Keith Brill - Oudener, kể lại kinh nghiệm của ông trong chuyến di tản binh sĩ khỏi Dunkerque. Bị lôi ra khỏi giường lúc bốn giờ sáng, ông tới chỉ huy một chiếc tàu chở hàng đăng ký Limehouse, thành tàu xiêu vẹo đã quá nghiêng về một bên, vượt qua eo biển, kéo theo một dây dài những xà lan gốc ở bến sông Thames, và ông đã chở được bốn chuyến đầy nhóc lính. Chuyến cuối cùng tàu ông bị bắn bay mất ống khói và một bên thành tàu bị bắn thủng. Nhưng ông vẫn đưa được tàu về đến bến Dover”.

Một vị sĩ quan hải quân trừ bị, trong bốn ngày cuối cùng của cuộc triệt thoái, đã bị thiệt mất hai chiếc tàu kéo lưới Brixham và một chiếc tàu rà mìn Yarmouth được đặt dưới quyền chỉ huy của ông, lên tiếng hỏi: “Bác có nghe nói gì tới cái huyền thoại khó mà tin được về một con ngỗng hoang không nhỉ? Nó hết bay lên rồi lại bay xuống dọc theo bãi biển. Mà bác cũng thừa biết loại chuyện đó thường xảy ra như thế nào rồi. Có một số binh sĩ tôi chở từ Dunkerque về bàn tán mãi chuyện đó. Con ngỗng xuất hiện trong những ngày cuối cùng từng chập một giữa khoảng Dunkerque và La Panne. Ai mà may mắn nhìn thấy con ngỗng là kể như sau đó thế nào cũng được cứu thoát. Bác thừa biết, cái lối nửa hư nửa thực ấy mà”.

“Hè...ừ...ừm”, trung tá Brill Oudener nói, “Một con ngỗng hoang à. Theo tôi thấy thì nó đã được dạy cho thuần thực rồi. Một thứ chi tiết vô cùng kỳ lạ. Bi đát nữa, hiểu theo một cách khác. Và thật may cho chúng tôi. Để tôi kể cho bác nghe. Đó là chuyện thứ ba trên đường về. Vào khoảng sáu giờ chiều chúng tôi nhìn thấy một chiếc thuyền nhỏ trôi giạt. Trên thuyền trong như có một người hay một cái xác người nào đó, và một con chim đậu trên mạn thuyền.



“Khi tới gần, chúng tôi bèn đổi hướng tàu để lại xem có chuyện gì. Trời đất oi, đúng là một người. Hay đúng ra, trước đó đã là một người. Tội nghiệp hẳn bị trúng đạn liên thanh, nói thế là bác đủ hiểu rồi. Bị nặng lắm! Đầu gục xuống nước. Con chim là một con ngỗng, loài ngỗng đã được huấn luyện thuần thục.

“Chúng tôi ghé lại gần, nhưng khi một người trong bọn chúng tôi định leo lên thuyền thì con chim kêu rít lên và dang cánh ra đập hẳn. Không lấy được xác gã kia ra. Bất thần, Kettering, một chú lính trẻ theo hộ vệ tôi, hét lên, giơ tay chỉ xuống mạn tàu bên phải. Một trái thủy lôi bập bênh sát bên. Trái thủy lôi khủng khiếp của bọn Đức. Nếu chúng tôi đi thẳng thì thế nào cũng đụng nhằm trái mìn đó rồi. Chúng tôi lái tránh cho trái thủy lôi giạt ra xa. Khi nó đã giạt ra xa, cách chiếc xà lan cuối đoàn chừng một trăm thước, thì anh lính lấy súng nhằm bắn cho nó nổ tung lên.

“Khi chúng tôi quay lại tìm kiếm chiếc thuyền trôi giạt thì nó đã biến đâu mất. Chìm rồi. Thủy lôi nổ, rung động, làm thuyền lật, bác biết đấy. Kéo theo cả cái gã kẹt trong thuyền. Tựa như gã đã cột liền người gã vào với chiếc thuyền. Con chim bay lên và lượn vòng quanh.

Nó lượn ba vòng tựa như một chiếc máy bay lượn chào làm chúng tôi sững sờ hồi lâu. Rồi nó bay về hướng tây.

Cũng may cho chúng tôi đã leo lên boong xem, nếu không thì sao nhỉ? Mà cũng ngộ là bác đã đề cập tới chuyện con ngỗng đó”.



**F**rith ở lại một mình trong hải đăng nhỏ bé trên vùng Đồng lầy rộng lớn, săn sóc những con chim bị xén lông cánh còn ở lại. Cô chờ đợi mà chẳng biết mình chờ đợi gì. Những ngày đầu tiên cô hay lên bờ đê ngắm chờ, dù cô đã biết là uổng công vô ích. Sau cô thơ thẩn đi khắp các căn buồng để đồ trong hải đăng, nơi có chất đầy những bức họa trên đó Rhayader đã mô tả lại tất cả những cảnh trí cùng những tác động của ánh sáng trên vùng đất hoang vu và vẻ đẹp huy hoàng của các loài dị điều sống nơi đó.

Trong số tranh ấy cô gái tìm thấy bức chân dung Rhayader vẽ mình theo ký ức, đã nhiều năm về trước, hồi cô còn là một cô bé nhỏ xíu, nhút nhát, đầu tóc rối bù đứng bên ngưỡng cửa, ghì chặt trong lòng con chim trốn tuyết bị thương.

Bức họa và những gì cô gái nhận thức được đã khiến cô xúc động như chưa từng xúc động, vì Rhayader đã gửi gắm rất nhiều tâm hồn chàng vào đấy. Lạ thay, đó là lần duy nhất chàng vẽ con chim trốn tuyết, con vật lạ loài, bị bão táp xô giạt đến từ miền đất lạ, con vật đã mang tình bạn đến cho cả hai người,

và chính con vật ấy, cuối cùng, đã trở lại báo cho cô biết là cô sẽ không bao giờ còn gặp lại chàng nữa.

Khá lâu trước khi con chim trốn tuyệt từ vùng trời phía đông ửng hồng sà xuống lượn vòng quanh hải đăng như ngỏ lời chào vĩnh biệt, Fritha nhờ sự linh cảm mẫn tiệp có sẵn trong cô đã biết trước là Rhayader sẽ không bao giờ về nữa.

Cũng chính vì thế, khi vào lúc trời chiều, nghe tiếng chim kêu lạnh lớt, quen thuộc từ trời cao vọng xuống, lòng cô không trải qua một giây phút hy vọng hão huyền. Giây phút ấy, trong như cô đã từng sống qua rất nhiều lần, nên không còn ảo vọng.

Cô gái hồi hải chạy ra bức trường thành, đôi mắt không hướng ra phía eo biển xa vời mà từ đó một cánh buồm có thể xuất hiện, nhưng lại ngược lên vòm trời đỏ rực mà, từ đó, con chim trốn tuyệt rơi thẳng xuống như một hòn đá. Cánh chim từ trời cao rớt xuống, tiếng kêu náo nùng của nó, và sự cô quạnh vây bọc quanh cô, đã phá vỡ con đập ngăn giữ mọi xúc cảm trong cô, thả tung mọi tình không ngăn giữ được, không chối cãi nổi, tuôn trào thành suối lệ.

Một linh hồn hoang dã kêu gọi một linh hồn hoang dã khác, cô có cảm tưởng như mình đang bay theo cánh chim to lớn, bay vút lên vòm trời chiều và lắng nghe lời Rhayader nhẩn nhủ.

Trời đất như vang vang lời nhắn gửi và cô rung rung theo hòa âm đó với một cường độ vượt quá sức cô. “Frith, Fritha! Frith, em yêu. Vĩnh biệt nhé, người em yêu dấu”. Đôi cánh trắng, có đốm đen, như quạt vào lòng cô những lời âu yếm ấy, và lòng cô đáp lại: “Philip, em yêu anh”.

Có một lúc Frith đã tưởng là con chim trốn tuyệt sắp hạ cánh trong khuôn vườn, khi những con những bị xén cánh kêu vang lời chào đón. Nhưng nó chỉ sà xuống thấp rồi lại bay vút lên, lượn một vòng tròn rất đẹp mắt, quanh ngọn hải đăng cổ xưa một lần nữa rồi bay lẩn trong đám mây cao vút.

Nhìn cánh chim bay vút lên cao, Frith không còn thấy hình ảnh con chim trốn tuyệt nữa, mà chỉ thấy linh hồn của Rhayader đến già biệt cô gái trước khi cất cánh bay vào cõi hư vô.

Cô gái không còn bay theo cánh chim nữa mà trở lại buộc ràng trên mặt đất. Cô dang hai cánh tay giơ lên trời, những ngón chân nhón cao, với theo miệng kêu lên: “Xin Trời đưa dẫn anh, ra đi êm đẹp nhé, hỡi anh Philip của em!”

Nước mắt Frith như khô cạn. Khi bóng chim đã mịt mù, cô còn đứng đó, âm thầm ngó lên trời cao trong một hồi lâu. Rồi cô trở lại ngọn hải đăng tìm lấy bức

chân dung Rhayader đã vẽ mình. Ghi chặt bức họa vào ngực, cô trở về nhà, đi dọc theo con đê ven bờ biển cả.



**Đ**êm đêm, trong nhiều tuần kế tiếp sau đó, Frith còn trở lại hải đăng cho lũ chim bị xén lông cánh ăn. Rồi vào một buổi sớm mai, một phi công Đức trong một phi vụ lúc trời chưa sáng tỏ đã lầm trong ngọn hải đăng cũ hoang phế là một mục tiêu quân sự đang hoạt động nên nhào xuống như một cánh chim ung bằng thép và bắn phá ngọn hải đăng cùng tất cả những gì còn lại trong đó tan thành cát bụi.

Tối hôm đó, khi Fritha trở lại sóng biển đã ùa qua những bức tường sụp đổ và bao phủ lên tất cả. Không còn gì sót lại khả dĩ làm cho giảm bớt quang cảnh ảm đạm thê lương. Không một cánh chim nào trong vùng Đồng lầy dám trở lại. Chỉ có những con hải âu dạn dĩ chấp chờn bay lượn, nức nở kêu thương quanh nơi chốn cũ - nơi mà khi vàng dương mới ló, còn là ngọn hải đăng xưa.